

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2021/HS-ST

Ngày: 29/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Long Văn Thanh

2. Ông Lã Văn Luật

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 160/2021/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tổng Quang H**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 16/4/1994 tại thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Tổ 02, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Tổng Mạnh H - sinh năm 1962 (trú tại: Tổ 02, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng); Con bà: Phan Thu H - sinh năm 1966 (trú tại: Tổ 02, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng); Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: không có; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/02/2021, bị Công an thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

Tiền án: Không.

Bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng từ ngày 19/7/2021 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Tiến C- sinh năm 1987; Địa chỉ: tổ 02, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bùi Thị H - sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 12, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
2. Nông Thị T - sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
3. Diệp Thành T - sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 04, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
4. Vi Hải H - sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 02, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Bùi Văn M - sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 02, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.
2. Đồng Thanh T - sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.
3. Phạm Tuấn A - sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 07, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng nhận được đơn trình báo của Nguyễn Tiến C (sinh ngày 11/7/1987; Trú tại: tổ 18, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng), nội dung: Ngày 15/12/2020 và 16/12/2020, C cho Tổng Quang H (sinh ngày: 16/4/1994; Trú tại: Tổ 02, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) mượn 02 (hai) chiếc xe mô tô để làm phương tiện đi lại, sau đó H đã tự ý mang 02 (hai) chiếc xe mô tô đi cầm đồ nên C trình báo cơ quan Công an đề nghị giải quyết (*Bút lục 156 - 158*).

Quá trình điều tra xác định: Do cần tiền để chi tiêu nên Tổng Quang H đã nảy sinh ý định mượn xe mô tô của người quen để đem đi cầm đồ lấy tiền. Sáng ngày 15/12/2020, H gọi điện cho Nguyễn Tiến C hỏi mượn xe mô tô để đi lại vài ngày. C đồng ý, nhưng do không có xe nên C gọi điện cho Bùi Thị H (sinh ngày: 20/5/1991; Trú tại: tổ 12, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) hỏi mượn xe HONDA SH 125i, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11B1 - 102.53 của Hải để đưa cho H.

Hải đồng ý và bảo C đến lấy xe mô tô với anh ruột của H là Bùi Văn M (sinh ngày 20/8/1988; Trú tại: Tổ 02, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Khoảng 12 giờ cùng ngày, C đưa H đến quán Dê ủ trấu ở phường N, thành phố Cao Bằng lấy xe mô tô với M. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H đã mang chiếc xe trên đến Cửa hiệu cầm đồ của Diệp Thành T (sinh ngày 19/3/1984; Trú tại: tổ 4, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) thuộc tổ 10, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng đặt với T lấy số tiền 40.000.000 đồng

(bốn mươi triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, H đã chuyển 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng) đến số tài khoản 109870021706 của Nguyễn Ngọc Nghĩa.

Chiều cùng ngày, H chuyển khoản cho T số tiền 40.200.000đ (bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng) để chuộc lại xe nhưng chưa đến lấy xe. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H gọi điện nói với T muốn tiếp tục đặt xe mô tô. T đồng ý rồi chuyển khoản lại cho H số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng). Sau đó, H đã chuyển số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) đến số tài khoản 108871738475 của Giang Thu L.

Đến ngày 17/12/2020, H gọi điện cho C nói dối là bị mất chìa khóa xe mô tô biển kiểm soát: 11B1 - 102.53 nên mượn C thêm 01 (một) chiếc xe mô tô nữa. C đồng ý rồi gọi điện thoại cho Đồng Thanh T (sinh ngày 03/12/1992; Trú tại: Tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 150i, màu xám đen, BKS: 11B1 - 433.59 của T. T đồng ý và bảo C qua lấy xe mô tô với vợ của T là Nông Thị T (sinh ngày 12/9/1993; Trú tại: Tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Sau đó, H đến lấy xe với T rồi mang chiếc xe trên đến hiệu cầm đồ của Phạm Tuấn A (sinh ngày: 10/10/1985) ở tổ 7, phường S, thành phố Cao Bằng đặt với Tuấn A lấy số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) rồi chuyển khoản toàn bộ số tiền trên cho Nguyễn Ngọc N.

Ngày 18/12/2020, H đến gặp Tuấn A để vay thêm tiền nhưng Tuấn A không đồng ý. H đặt vấn đề bán xe nhưng Tuấn A không mua do xe không chính chủ nên H đã bán xe cho Vi Hải H (sinh ngày 22/9/1984) là chủ Cửa hiệu cầm đồ H thuộc tổ 2, phường S, thành phố Cao Bằng với giá 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). H cùng H đến hiệu cầm đồ của Tuấn A và chuyển khoản cho Tuấn A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để chuộc xe, chuyển khoản cho H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền mua xe. Sau khi nhận tiền, H chuyển toàn bộ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho Nguyễn Ngọc N (*Bút lục 112 – 149, 163-182*).

Ngày 01/02/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 49 đối với 02 chiếc xe máy. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Cao Bằng kết luận: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA SH 150i, màu xám đen, biển kiểm soát: 11B1 - 433.59 có giá trị là 109.650.000đ (một trăm linh chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 125i, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11B1 - 102.53 có giá trị là 51.500.000đ (năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng giá trị 02 xe máy là: 161.150.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) (*Bút lục 189 - 192*).

Đối với vật chứng của vụ án là 02 (hai) chiếc xe mô tô, ngày 26/7/2021 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho các chủ sở hữu là Bùi Thị H và Nông Thị T (*Bút lục 98 - 99*).

Hành vi của Tổng Quang H đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố. Tại bản Cáo trạng số: 157/CT-VKSTP ngày 12/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Tổng Quang H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Tổng Quang H thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; thừa nhận được nói dối để mượn C 02 xe máy của H và T để đem đặt rồi bán cho hiệu cầm đồ lấy tiền chi tiêu cá nhân, cá độ bóng đá... Bị cáo nhất trí với kết luận định giá tài sản số 04 ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Cao Bằng.

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về trách nhiệm hình sự: Bị hại Nguyễn Tiến C đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Tiến C không có yêu cầu. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bùi Thị H, Nông Thị T xác nhận đã nhận lại tài sản là xe máy, không có yêu cầu khác; Vi Hải H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 60.000.000đ Hà đã mua xe HONDA SH biển kiểm soát 11B1 - 433.59. Diệp Thành T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 40.000.000đ do bị cáo đặt xe máy HONDA SH 125i, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11B1 - 102.53.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Tổng Quang H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại Bùi Thị H, Nông Thị T đã nhận lại tài sản là xe máy và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét, giải quyết. Buộc bị cáo phải trả cho Vi Hải H 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng); trả cho Diệp Thành T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện

kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung đơn trình báo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên ngày 15/12/2020, Tổng Quang H đã nói dối cần phương tiện đi lại để mượn xe máy với Nguyễn Tiến C. C đã giới thiệu cho H mượn được xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 125i, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11B1 - 102.53 của Bùi Thị H (H trực tiếp lấy với M) rồi mang đi cầm đồ với Diệp Thành T được 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Ngày 17/12/2020, H lại nói dối C là bị mất chìa khóa xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 102.53 nên hỏi mượn C thêm 01 (một) xe mô tô nữa. Thông qua C, H mượn được xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 150i, màu xám đen, biển kiểm soát 11B1 - 433.59 của Nông Thị T rồi mang đi cầm đồ với Phạm Tuấn A được số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Sau đó, H bán xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 433.59 cho Vi Hải H với giá 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Số tiền cầm đồ với Tuấn A và bán xe cho Vi Hải H tổng cộng 100.000.000đ H đã trả Tuấn A 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để chuộc xe, số còn lại H trả nợ tiền mua sắm quần áo trước đó, cá độ bóng đá... và chi tiêu hết.

Tổng giá trị 02 (hai) chiếc xe máy HONDA SH Tổng Quang H đã chiếm đoạt là: 161.150.000 đồng (*một trăm sáu mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do bản tính đua đòi, chi tiêu xa xỉ, cờ bạc... cần có tiền nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, nói với người cho mượn xe là dùng đi lại nhưng đã đem đặt 01 xe và đặt rồi bán 01 xe với hiệu cầm đồ được số tiền 100.000.000đ. Bị cáo thực hiện 02 (hai) hành vi lừa đảo chiếm đoạt 02 xe máy của 02 chủ sở hữu khác nhau và mỗi tài sản đều có giá trị trên 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Tiến C là người có đơn trình báo gửi cơ quan công an về việc cho H mượn 02 xe máy nhưng H không trả lại. Nguyễn Tiến C không có xe, cũng không phải người

quản lý hay chiếm giữ tài sản nhưng thông qua C chủ sở hữu (Nông Thị T) hoặc người đang quản lý là M, anh của Bùi Thị H là chủ xe mới cho H lấy xe, vì những người này cho rằng C là người mượn xe của họ. Do vậy, về mặt pháp luật dân sự, C là người chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về tài sản là xe máy do C mượn nên xác định Nguyễn Tiến C là bị hại là phù hợp. Bùi Thị H, Nông Thị T là hai chủ sở hữu xe nhưng việc giao xe cho H là xuất phát từ giao dịch với C trước đó, việc H đem xe đi đặt, cầm chủ sở hữu không được biết nên chủ sở hữu được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian ngắn từ ngày 15 đến ngày 18/12/2020 bị cáo thực hiện liên tục 02 (hai) hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với 02 (hai) tài sản khác nhau. Tổng giá trị tài sản là: 161.150.000 đồng (*một trăm sáu mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, vì tiền bất chấp pháp luật nên cần phải xử phạt nghiêm khắc để đảm bảo tính răn đe.

[5] Về khung hình phạt bị truy tố: Bị cáo phạm tội hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 02 xe máy có giá trị 161.150.000 đồng (*một trăm sáu mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) nên bị truy tố, xét xử theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[6]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là người có lối sống chỉ biết hưởng thụ, không có nghề nghiệp, thu nhập nhưng chuyên vay mượn để chi tiêu, mua sắm xa xỉ, ham mê cờ bạc, cá độ bóng đá... Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (ngày 18/12/2020) không lâu sau đó, ngày 26/02/2021 lại bị Công an thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc thể hiện sự coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H 02 (hai) lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 02 xe máy đều có giá trị từ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân của bị cáo; tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù ở mức cao trong khung hình phạt tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian khá dài mới đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 02 xe máy đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bùi Thị H, Nông Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu khác nên tòa án không xem xét, giải quyết. Bị hại Nguyễn Tiến C không phát sinh thiệt hại tài sản (do tài sản đã được thu hồi) nên tòa án không xem xét, giải quyết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Hải H và Diệp Thành T yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền đã mua và cầm đồ xe máy với bị cáo H. Xét yêu cầu của H và T là có căn cứ, bị cáo nhất trí trả lại nên cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) cho H và 40.000.000đ cho T.

[10] Các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào công quỹ nhà nước.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Tổng Quang H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Tổng Quang H 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 19/7/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Tổng Quang H hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Hải H, sinh năm 1984 (địa chỉ: tổ 02, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*); Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Diệp Thành T, sinh năm 1984 (địa chỉ: tổ 04, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) số tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*);

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Xác nhận: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bùi Thị H đã nhận lại xe máy nhãn hiệu HONDA SH 125i, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11B1 - 102.53; Nông Thị T đã nhận lại xe máy nhãn hiệu HONDA SH 150i, màu xám đen, biển kiểm soát 11B1 - 433.59 tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng theo biên bản ngày 26/7/2021. Bùi Thị H, Nông Thị T không có yêu cầu khác tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Tổng Quang H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Nguyễn Tiến C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị H, Nông Thị T, Vi Hải H, Diệp Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần của bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hợp